

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 120 /2008/TT-BTC

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2008

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn về thanh toán, quyết toán vốn đầu tư
các dự án đầu tư xây dựng của các cơ quan đại diện Việt Nam
ở nước ngoài và các cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài.**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 và số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 7/2/2005 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 7/2/2005;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 02/2008/QĐ-TTg ngày 07/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý các dự án đầu tư xây dựng của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài;

Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các dự án đầu tư xây dựng của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi chung là cơ quan Việt Nam ở nước ngoài) như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn về thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng của các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, gồm các dự án xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp tại các trụ sở làm việc hiện có; các dự án đầu tư mua nhà, mua đất xây dựng trụ sở làm việc và nhà ở cho cán bộ, nhân viên sử dụng vốn ngân sách nhà nước hoặc vốn có nguồn gốc ngân sách nhà nước.

2. Chế độ quản lý:

- Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đối với các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được thực hiện theo quy định hiện hành đối với việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước. Thông tư này chỉ hướng dẫn thêm một số điểm khác với các quy định hiện hành cho phù hợp với đặc thù của các dự án của các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

- Do đặc thù của các dự án, việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư vừa phải thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam, vừa phải tuân thủ pháp luật nước sở tại và thông lệ quốc tế. Trường hợp cùng một vấn đề mà quy định của Việt Nam không thống nhất với pháp luật nước sở tại và thông lệ quốc tế thì thực hiện theo pháp luật nước sở tại và thông lệ quốc tế.

- Các dự án đủ điều kiện đầu tư được hoàn thiện các thủ tục đầu tư cần thiết và thực hiện đầu tư ngay trong năm.

- Bộ, ngành quản lý (sau đây gọi chung là Bộ quản lý) thực hiện chức năng kiểm soát chi; trường hợp chủ đầu tư ở nước ngoài thì thay mặt chủ đầu tư giao dịch thanh toán vốn đầu tư với Kho bạc nhà nước. Kho bạc nhà nước thanh toán cho các dự án theo đề nghị của Bộ quản lý.

- Kế hoạch vốn năm đã bố trí cho dự án chỉ được thanh toán trong thời hạn năm kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Việc kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán vốn được thực hiện theo quy định (hiện tại là văn bản số 1067/TTg-KHTH ngày 3/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ và văn bản số 13107/BTC-ĐT ngày 28/9/2007 của Bộ Tài chính quy định về việc kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản).

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Phân bổ kế hoạch và thẩm tra phân bổ vốn đầu tư hàng năm.

1.1- Phân bổ vốn:

Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, Bộ quản lý phân bổ kế hoạch vốn đầu tư cho từng dự án

Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

(Mẫu biểu phân bổ kế hoạch vốn đầu tư theo phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này).

1.2. Giao kế hoạch vốn cho các chủ đầu tư:

Sau khi việc phân bổ vốn đã được Bộ Tài chính thẩm tra phương án phân bổ vốn đầu tư, chấp thuận, các Bộ quản lý giao chỉ tiêu kế hoạch cho các chủ đầu tư để thực hiện, đồng gửi Kho bạc nhà nước nơi dự án mở tài khoản để theo dõi, làm căn cứ kiểm tra, thanh toán vốn.

1.3- Thẩm tra phân bổ vốn đầu tư:

- Bộ Tài chính thẩm tra phương án phân bổ vốn đầu tư, có ý kiến về các dự án không đủ thủ tục đầu tư và không đảm bảo các quy định về điều kiện bố trí vốn, đồng gửi Kho bạc nhà nước. Bộ quản lý có trách nhiệm phân bổ lại theo đúng quy định hiện hành, gửi Bộ Tài chính và Kho bạc nhà nước để thanh toán. Phương án phân bổ và phân bổ lại vốn đầu tư của các Bộ đúng quy định là căn cứ để thanh toán vốn.

- Bộ quản lý gửi Bộ Tài chính các tài liệu của các dự án trong kế hoạch để thẩm tra phân bổ vốn (các tài liệu này chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh), bao gồm:

+ Đối với dự án chuẩn bị đầu tư: văn bản phê duyệt dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư.

+ Đối với dự án thực hiện đầu tư: dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế-kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật) kèm quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.

2. Tạm ứng, thanh toán vốn.

2.1- Mở tài khoản:

Bộ quản lý (hoặc chủ đầu tư nếu chủ đầu tư trong nước) mở tài khoản để thanh toán vốn cho dự án tại Kho bạc nhà nước.

2.2- Tài liệu cơ sở của dự án:

Để phục vụ cho công tác quản lý, thanh toán vốn, chủ đầu tư hoặc Bộ quản lý gửi đến Kho bạc nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán các tài liệu cơ sở của dự án (các tài liệu này là bản chính hoặc bản sao y bản chính có dấu

của Bộ quản lý xác nhận, chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh), bao gồm:

2.2.1- Đối với vốn chuẩn bị đầu tư:

- Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt;
- Văn bản lựa chọn nhà thầu;
- Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

2.2.2- Đối với vốn thực hiện đầu tư:

- a)- Dự án đầu tư xây dựng mới, sửa chữa cải tạo:
 - Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế-kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật) kèm quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);
 - Văn bản lựa chọn nhà thầu;
 - Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu;
 - Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng.
- b) Dự án mua nhà, đất để làm trụ sở và nhà ở:
 - Dự án đầu tư (hoặc báo cáo kinh tế-kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật) kèm quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);
 - Bản thoả thuận nguyên tắc về việc mua bán nhà, đất làm căn cứ thanh toán tiền đặt cọc (nếu có);
 - Hợp đồng mua bán nhà, đất - Giấy bảo lãnh tiền đặt cọc (nếu trong hợp đồng có quy định phải đặt cọc).
- c) Đối với dự án gồm cả mua nhà, đất và xây dựng mới, sửa chữa cải tạo, các tài liệu cơ sở bao gồm cả hai loại dự án nói trên.

2.3- Tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng:

Việc tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước (hiện nay là Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 và Thông tư số 130/2007/TT-BTC ngày 02/11/2007 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước).